

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 170/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Anh Y B Ktla, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Buôn D 4, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Chị H Ê Ban , sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Buôn K, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Y B Ktla và chị H Ê Ban tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 28/7/2009 tại Ủy ban nhân dân xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến cuối năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, anh Y B Ktla và chị H Ê Ban sống không quan tâm đến nhau, hai người không có con chung, từ đó dẫn đến thường xuyên xích mích cãi vã nhau sống không hạnh phúc, anh Y B Ktla và chị H Ê Ban đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được. Nay anh Y B Ktla và chị H Ê Ban xác định tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, anh Y B Ktla và chị H Ê Ban yêu cầu Tòa án công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn nên Tòa án công nhận cho anh Y B Ktla và chị H Ê Ban thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung:* Anh Y B Ktla và chị H Ê Ban không có, nên không yêu cầu giải quyết.

[3] *Về tài sản:* Anh Y B Ktla và chị H Ê Ban không yêu cầu giải quyết.

[4] *Về lệ phí Tòa án*: Anh Y B Ktla và chị H Ê Ban phải chịu theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Y B Ktla và chị H Ê Ban.

- *Về con chung*: Anh Y B Ktla và chị H Ê Ban không có, nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản*: Anh Y Bler Ktla và chị H'Rap Ê Ban không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Y B ktla và chị H Ê Ban mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí công nhận thuận tình ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh Y B Ktla đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0000194 ngày 03 tháng 9 năm 2019, chị H R Ê Ban đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0000195 ngày 03/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Hoàn trả lại cho anh Y B Ktla, chị H R Ê Ban mỗi người số tiền tạm ứng lệ phí còn lại là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA dân sự thị xã Buôn Hồ;
- UBND xã Cư Bao, tx Buôn Hồ;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP;

THẨM PHÁN

Trần Duy Đức

